

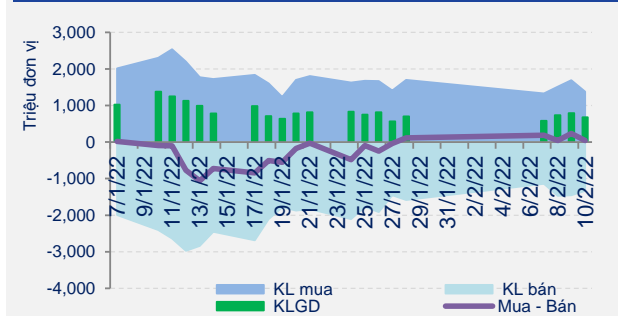
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/2/2022

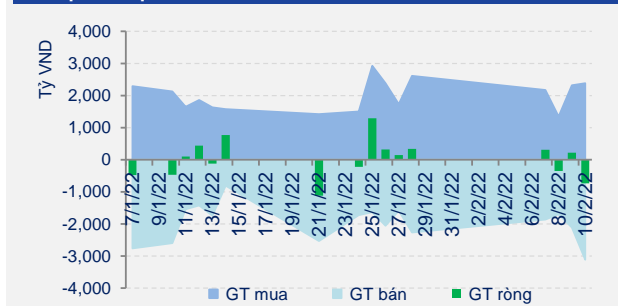
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,506.79	428.24
% Thay đổi	↑ 0.09%	↑ 0.95%
KLGD (CP)	680,249,790	58,913,621
GTGD (tỷ đồng)	21,945.91	1,816.27
Tổng cung (CP)	1,337,639,400	94,174,600
Tổng cầu (CP)	1,380,321,100	85,603,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	74,664,420	213,000
KL mua (CP)	61,217,520	350,205
GT mua (tỷ đồng)	2,379.03	10.29
GT bán (tỷ đồng)	3,115.98	9.06
GT ròng (tỷ đồng)	(736.94)	1.23

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.33%	20.9	3.4	0.8%
Công nghiệp	↑ 0.31%	22.5	3.2	10.0%
Dầu khí	↑ 1.95%	18.8	2.2	2.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.45%	-	10.9	3.2%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.60%	15.9	2.4	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.95%	18.4	3.7	7.7%
Ngân hàng	↑ 0.07%	13.2	2.5	30.3%
Nguyên vật liệu	↑ 0.34%	9.8	2.3	16.1%
Tài chính	↓ -0.58%	23.6	3.3	24.6%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 1.53%	16.9	2.8	4.1%
VN - Index	↑ 0.09%	17.4	3.2	
HNX - Index	↑ 0.95%	23.6	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giao dịch khá giằng co trong phiên hôm nay và có thời điểm về cuối phiên, chỉ số VN-Index giảm khoảng 10 điểm để rơi về ngưỡng 1.495 điểm. Nhưng lực cầu gia tăng sau đó đã giúp thị trường kết phiên với mức tăng nhẹ. Cụ thể, VN-Index tăng 1,41 điểm (+0,09%) lên 1.506,79 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là trung tính với 209 mã tăng (15 mã tăng trần), 64 mã tham chiếu, 226 mã giảm (1 mã giảm sàn). Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc VN30 (-0,22%) có diễn biến không tích cực trong phiên hôm nay khi quay đầu điều chỉnh sau bốn phiên tăng liên tiếp. Trong nhóm này có 16 mã giảm, 3 mã tham chiếu, 11 mã tăng. VIC (-2%) và VHM (-1,7%) là hai mã tác động tiêu cực nhất đến chỉ số khi làm mất đến 3,261 điểm trên VN-Index. Rất may là ở chiều ngược lại, một số trụ cột khác vẫn giữ được sắc xanh để kéo thị trường như GAS (+1,8%), MSN (+2%), VCB (+0,6%), SAB (+2,1%), GVR (+1,5%), CTG (+1,1%), POW (+4,2%), MBB (+1,4%)... Cổ phiếu dầu khí tiếp tục được hưởng lợi từ đà tăng của giá dầu thế giới với nhiều mã tăng tốt như BSR (+3%), PLX (+1,9%), PVD (+2,8%), PVS (+1,8%), OIL (+3,4%)... Cổ phiếu thép sau hai phiên liên tiếp làm "người hùng" thì đến hôm nay đã có sự chững lại nhất định HPG (-0,6%), HSG (-0,1%), TLH (-3%), SMC (-1,6%), POM (-1,7%)... Một số mã bất động sản xây dựng tiếp tục mang về niềm vui cho cổ đông khi kết phiên với mức tăng mạnh, thậm chí tăng trần CEO (+9,9%), DIG (+6,9%), IDJ (+9,8%), LGL (+6,7%), DPG (+6,9%), L14 (+10%), PTC (+6,9%), TGG (+6,8%), PXI (+6,9%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau phiên hôm nay thì có thể thấy là tâm lý nhà đầu tư trong tuần giao dịch đầu tiên của năm Nhâm Dần 2022 là tương đối tốt. Thị trường có lúc đã giảm 10 điểm trong phiên chiều nhưng cầu bắt đáy đã xuất hiện để hỗ trợ thị trường. Tuy thanh khoản khó khăn đã có phiên thứ 15 liên tiếp thấp hơn trung bình cho thấy một bộ phận nhà đầu tư vẫn đang đứng ngoài thị trường nhưng xu hướng dòng tiền dự báo sẽ được cải thiện trong thời gian tới. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 2/2022 đã thu hẹp được basis so với chỉ số cơ sở VN30 xuống còn -6,45 điểm. Điều này cho thấy các nhà giao dịch đang kỳ vọng vào xu hướng tăng của thị trường và trong phiên giao dịch cuối tuần 11/2, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm. Các nhà đầu tư đã tham gia mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 có thể tiếp tục nắm giữ danh mục để tận dụng xu hướng tăng hiện tại. Cơ hội chốt lời sẽ xuất hiện khi VN-Index tiến vào vùng kháng cự 1.530-1.550 điểm trong thời gian tới.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/2/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch khá giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau và kết phiên với mức tăng nhẹ. Chỉ số đạt mức cao nhất trong phiên tại 1.512,88 điểm và mức thấp nhất trong phiên tại 1.495,7 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 1,41 điểm (+0,09%) lên 1.506,79 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS tăng 2.000 đồng, MSN tăng 3.000 đồng, VCB tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, VIC giảm 1.700 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 431,14 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 4,05 điểm (+0,95%) lên 428,24 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO tăng 5.500 đồng, L14 tăng 33.800 đồng, IDJ tăng 2.400 đồng. Ở chiều ngược lại, KSF giảm 3.000 đồng.

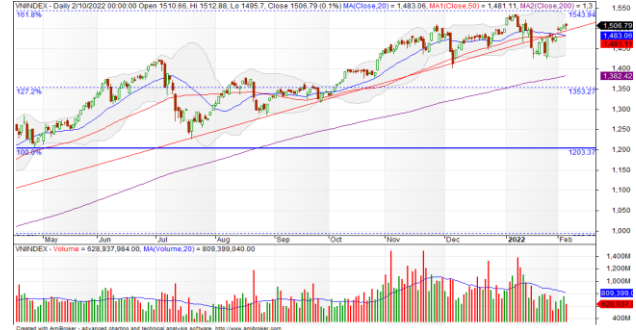
GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 739,65 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 11 triệu đơn vị. VIC là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 453,3 tỷ đồng tương ứng với 5,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 145,9 tỷ đồng tương ứng với 3,1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, FUEVFNVD là mã được mua ròng nhiều nhất với 229 tỷ đồng tương ứng với 8 triệu chứng chỉ quỹ.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 1,22 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 137,2 nghìn cổ phiếu. APS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,8 tỷ đồng tương ứng với 58,6 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVI với 961,8 triệu đồng tương ứng với 19,7 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,8 tỷ đồng tương ứng với 16,3 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng điểm phiên thứ tư liên tiếp trong năm Nhâm Dần 2022 với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên trong phiên thứ 15 liên tiếp cho thấy lực cầu mua lên là chưa thực sự mạnh và một bộ phận nhà đầu tư đang đứng ngoài quan sát thị trường.

Góc nhìn kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên tăng thứ tư liên tiếp với mức tăng nhẹ (+0,09%) thì chỉ số VN-Index đã có phiên thứ ba liên tiếp kết phiên trên ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Qua đó tiếp tục củng cố cho xu hướng tăng của thị trường. Mục tiêu tiếp theo của chỉ số này là vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm có thể đạt được trong thời gian tới.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 11/2, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để hướng đến những mức cao mới.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng mạnh thì chỉ số VN-Index có thể lui về test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Truyền thông Quốc tế: Việt Nam - Điềm đến đầy hứa hẹn với các nhà đầu tư

Các thị trường mới nổi như Việt Nam có thể đem đến cơ hội tăng trưởng tiềm năng cho các nhà đầu tư. Fitch Ratings kỳ vọng GDP Việt Nam tăng trưởng 7,9% trong năm nay.



TIN TRONG NƯỚC

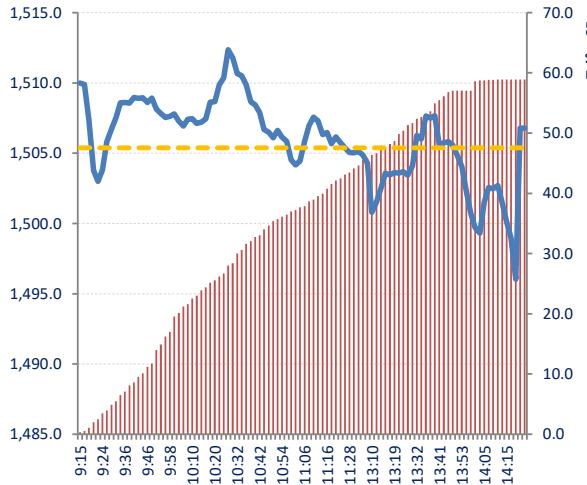
Giá vàng trong nước đi ngang	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 61 - 62,5 triệu đồng/lượng, giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 4 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 10/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.108 VND/USD, tăng 4 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

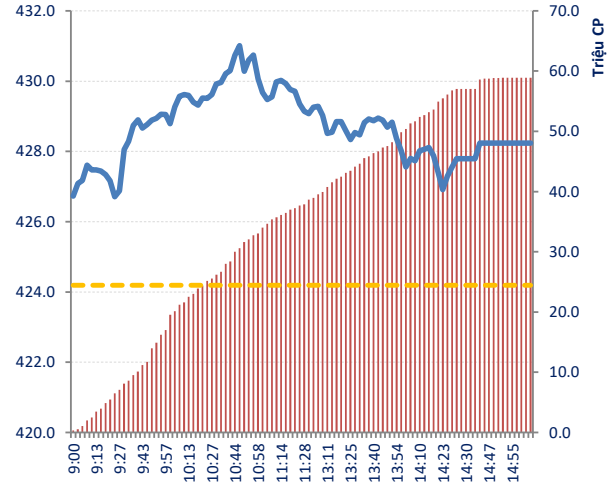
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 1,35 USD/ounce tương ứng với 0,07% xuống 1.835,35 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,046 điểm tương ứng 0,05% lên 95,550 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1423 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3542 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,61 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,17 USD/thùng tương ứng với 0,19% lên 89,81 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 9/2, Dow Jones tăng 305,28 điểm tương đương 0,86% lên 35.768,06 điểm. Nasdaq tăng 295,92 điểm tương đương 2,08% lên 14.490,37 điểm. Nasdaq Composite tăng 65,64 điểm tương đương 1,45% lên 4.587,18 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

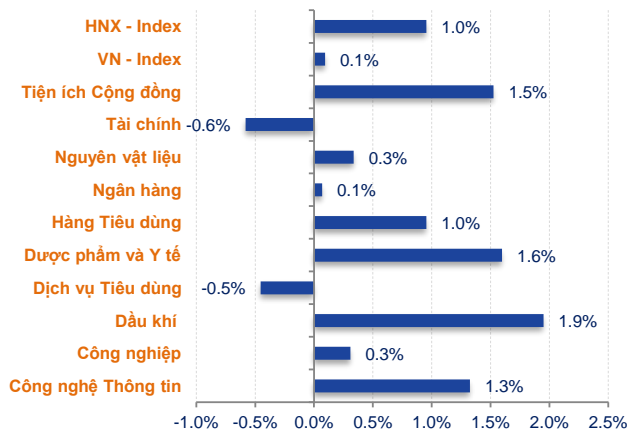
KLGD và VN-Index trong phiên



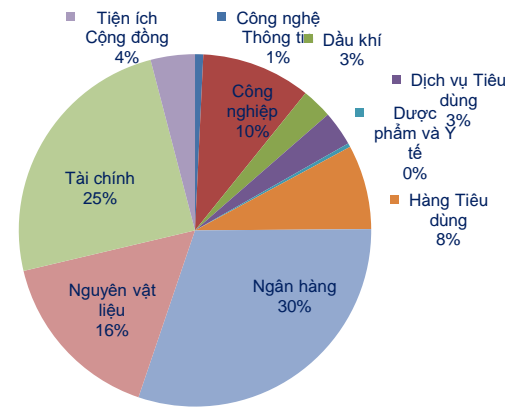
KLGD và HNX-Index trong phiên



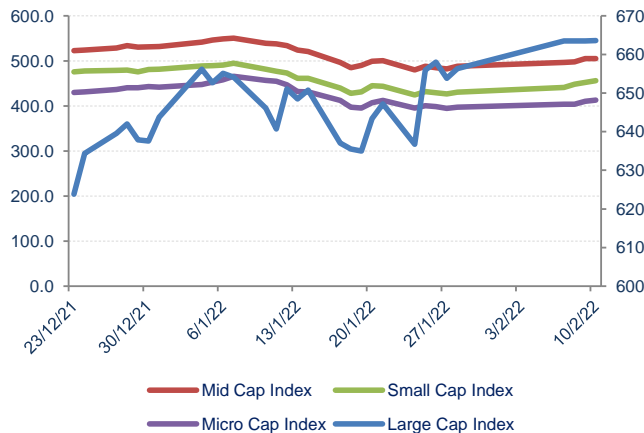
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



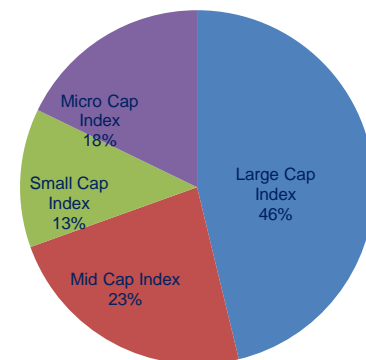
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	7,952,600	VIC	5,429,500
2	HDB	1,017,000	HPG	3,081,700
3	VGC	1,008,000	DXG	1,781,200
4	VCB	590,800	SSI	1,290,200
5	GMD	392,400	GEX	1,170,600

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	APS	58,600	EID	54,600
2	PGN	54,000	TDN	16,300
3	PHP	23,000	VCS	16,300
4	PVC	20,000	BVS	10,600
5	PVI	19,700	IVS	5,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
STB	35.05	34.75	↓	-0.86%	34,899,900
POW	17.80	18.55	↑	4.21%	30,747,500
HPG	47.30	47.00	↓	-0.63%	25,237,300
MBB	33.30	33.75	↑	1.35%	23,942,500
EIB	34.80	35.00	↑	0.57%	20,843,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
PVS	28.20	28.70	↑	1.77%	5,555,522
CEO	55.30	60.80	↑	9.95%	5,510,922
SHS	42.00	41.70	↓	-0.71%	3,455,507
KLF	6.00	6.10	↑	1.67%	3,197,380
IDC	65.00	67.90	↑	4.46%	2,352,059

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QBS	6.44	6.89	0.45	↑ 6.99%
APH	27.44	29.35	1.91	↑ 6.96%
TVS	44.60	47.70	3.10	↑ 6.95%
MDG	13.65	14.60	0.95	↑ 6.96%
PXI	6.34	6.78	0.44	↑ 6.94%

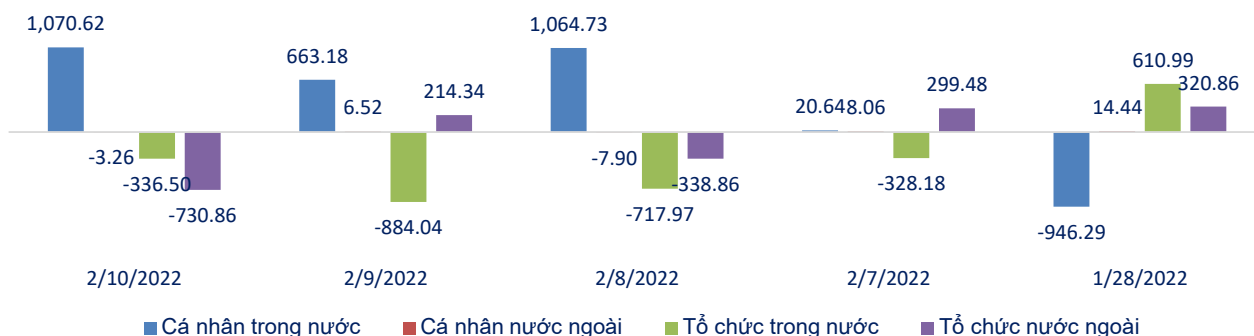
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VDL	22.00	24.20	2.20	↑ 10.00%
L14	338.50	372.30	33.80	↑ 9.99%
CEO	55.30	60.80	5.50	↑ 9.95%
HGM	36.50	40.10	3.60	↑ 9.86%
IDJ	24.50	26.90	2.40	↑ 9.80%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SSC	41.20	38.35	-2.85	↓ -6.92%
VCF	245.00	228.10	-16.90	↓ -6.90%
CLW	34.20	32.00	-2.20	↓ -6.43%
ACC	20.30	19.20	-1.10	↓ -5.42%
SRF	17.95	17.00	-0.95	↓ -5.29%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAT	23.00	20.70	-2.30	↓ -10.00%
HEV	28.00	25.20	-2.80	↓ -10.00%
TFC	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
CJC	14.00	12.70	-1.30	↓ -9.29%
DNC	63.80	58.00	-5.80	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	495.87	-1.9%	(717)	-	2.0
DXG	141.40	10.3%	1,942	18.3	1.6
ACB	99.04	23.9%	3,554	10.0	2.1
NVL	97.39	8.8%	1,695	46.6	3.7
SSI	85.04	13.0%	1,390	32.9	3.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VGC	-54.11	16.0%	2,738	19.4	2.8
TCB	-53.99	21.5%	5,144	10.4	2.1
VCB	-43.74	21.3%	4,629	19.6	3.9
STB	-32.29	10.8%	1,855	18.9	1.9
HPG	-32.00	46.0%	7,708	6.1	2.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	6.24	8.8%	1,695	46.6	3.7
VIC	4.78	-1.9%	(717)	-	2.0
KHG	1.67	12.8%	2,284	7.9	1.2
ROS	1.62	3.1%	324	24.0	0.7
LDG	1.55	1.0%	134	123.2	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	-7.02	30.6%	5,618	17.1	4.5
KDH	-3.80	13.1%	1,931	27.5	3.3
VCI	-3.40	18.0%	2,085	29.0	3.2
LPB	-2.81	18.5%	2,385	10.3	1.8
HDG	-2.54	23.3%	5,687	11.2	2.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	177.05	46.0%	7,708	6.1	2.3
TCB	53.99	21.5%	5,144	10.4	2.1
STB	51.28	10.8%	1,855	18.9	1.9
NKG	34.53	50.0%	10,424	3.6	1.4
HPX	32.10	8.1%	951	35.6	2.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-230.62	N/A	N/A	N/A	N/A
ACB	-99.04	23.9%	3,554	10.0	2.1
DXG	-78.95	10.3%	1,942	18.3	1.6
VPB	-44.59	17.0%	2,662	13.9	1.9
VIC	-43.22	-1.9%	(717)	-	2.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	228.78	N/A	N/A	N/A	N/A
VGC	54.60	16.0%	2,738	19.4	2.8
VCB	54.12	21.3%	4,629	19.6	3.9
HDB	30.59	21.8%	3,036	10.4	2.1
VNM	21.76	30.3%	5,042	16.4	4.8

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-457.43	-1.9%	(717)	-	2.0
HPG	-145.25	46.0%	7,708	6.1	2.3
NVL	-91.68	8.8%	1,695	46.6	3.7
KBC	-66.26	5.8%	1,587	35.5	2.1
DXG	-63.69	10.3%	1,942	18.3	1.6



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	34,899,900	10.8%	1,855	18.9	1.9
POW	30,747,500	3250.0%	760	23.4	1.3
HPG	25,237,300	46.0%	7,708	6.1	2.3
MBB	23,942,500	22.6%	3,361	9.9	2.0
EIB	20,843,900	5.6%	785	44.3	2.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	5,555,522	4.7%	1,260	22.4	1.1
CEO	5,510,922	-4.7%	(606)	-	4.4
SHS	3,455,507	25.5%	2,940	14.3	2.1
KLF	3,197,380	0.4%	40	148.5	0.6
IDC	2,352,059	11.8%	1,805	36.0	4.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
QBS	↑ 7.0%	0.1%	7	909.8	0.7
APH	↑ 7.0%	1.6%	425	80.8	1.2
TVS	↑ 7.0%	20.3%	2,312	19.3	2.7
MDG	↑ 7.0%	10.1%	1,515	9.0	0.9
PXI	↑ 6.9%	-14.7%	(1,010)	-	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VDL	↑ 10.0%	2.1%	291	75.5	1.6
L14	↑ 10.0%	39.0%	8,000	42.3	12.1
CEO	↑ 9.9%	-4.7%	(606)	-	4.4
HGM	↑ 9.9%	40.9%	5,907	6.2	2.9
IDJ	↑ 9.8%	29.1%	2,801	8.7	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	7,952,600	N/A	N/A	N/A	N/A
HDB	1,017,000	21.8%	3,036	10.4	2.1
VGC	1,008,000	16.0%	2,738	19.4	2.8
VCB	590,800	21.3%	4,629	19.6	3.9
GMD	392,400	8.9%	2,007	24.2	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
APS	58,600	15.2%	911	32.3	2.5
PGN	54,000	16.4%	1,612	8.0	1.1
PHP	23,000	11.4%	1,677	15.5	1.7
PVC	20,000	1.4%	240	61.8	0.9
PVI	19,700	11.2%	3,722	13.1	1.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	429,713	21.3%	4,629	19.6	3.9
VHM	354,881	35.3%	9,036	9.0	2.7
VIC	326,854	-1.9%	(717)	-	2.0
BID	244,833	12.7%	2,090	23.2	2.8
HPG	211,569	46.0%	7,708	6.1	2.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	61,425	21.8%	2,805	62.6	9.7
KSF	37,350	8.8%	738	168.7	6.2
IDC	19,500	11.8%	1,805	36.0	4.2
BAB	17,473	8.3%	964	24.1	2.0
NVB	17,428	0.0%	3	9,309.2	2.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	5.33	1.6%	232	96.3	1.6
SGR	4.99	-1.9%	(237)	-	2.4
BSI	4.85	8.9%	1,047	38.5	3.0
NHA	4.64	0.8%	83	703.7	5.8
DIG	4.57	15.3%	2,210	30.9	4.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.96	7.0%	343	34.7	2.4
L14	2.82	39.0%	8,000	42.3	12.1
VC7	2.76	3.3%	272	77.1	1.9
CEO	2.71	-4.7%	(606)	-	4.4
L18	2.67	4.5%	683	83.8	4.1



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
